

Bản án số: **02/2025/DS-ST**

Ngày: 04 - 7 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà C. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố CT (trước đây là ấp A, xã B, huyện K, tỉnh S). (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà M. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố CT (trước đây là ấp A, xã B, huyện K, tỉnh S). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025, đơn yêu cầu v/v rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà C trình bày:* Bà M có tham gia chơi các dây hui tháng và hui mùa do bà C làm chủ hui, cụ thể như sau:

- Dây hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 10/8/2023 âm lịch, có 21 phần, bà M tham gia 01 phần, tên trong giấy hui là “M”, đóng hui sống được 01 lần, đến lần thứ 02 thì bà M hốt hui được số tiền là 29.360.000 đồng, sau đó 05 ngày bà C đã giao đủ tiền hui cho bà M. Sau khi hốt hui xong, bà M đóng hui chết cho bà C được 07 lần, còn lại 12 lần hui chết bà M vẫn chưa đóng cho bà C. Dây hui này bà M còn nợ bà C số tiền hui là 01 phần x 12 lần x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 10/8/2023 âm lịch, có 21 phần, bà M tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là “M”, đóng hụi sống được 02 lần, đến lần thứ 03 thì bà M hốt hụi được số tiền là 29.200.000 đồng, sau đó 05 ngày bà C đã giao đủ tiền hụi cho bà M. Sau khi hốt hụi xong, bà M đóng hụi chết cho bà C được 06 lần, còn lại 12 lần hụi chết bà M vẫn chưa đóng cho bà C. Dây hụi này bà M còn nợ bà C số tiền hụi là 01 phần x 12 lần x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà M còn đóng tiền hụi cho bà C thiếu số tiền là 2.000.000 đồng. Như vậy, 02 dây hụi này bà M còn nợ bà C số tiền hụi là 24.000.000 đồng + 2.000.000 đồng = 26.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2023 âm lịch, có 19 phần, bà M tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là “M”, đóng hụi sống được 01 lần, đến lần thứ 02 thì bà M hốt hụi được số tiền là 41.620.000 đồng, sau đó 05 ngày bà C đã giao đủ tiền hụi cho bà M. Sau khi hốt hụi xong, bà M đóng hụi chết cho bà C được 04 lần, còn lại 13 lần hụi chết bà M vẫn chưa đóng cho bà C. Dây hụi này bà M còn nợ bà C số tiền hụi là 01 phần x 13 lần x 3.000.000 đồng = 39.000.000 đồng.

- Dây hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 16/3/2023 âm lịch, có 16 phần, bà M tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là “M”, đóng hụi sống được 02 lần, đến lần hụi thứ 03 thì bà M hốt hụi được số tiền là 48.970.000 đồng, sau đó 05 ngày bà C đã giao đủ tiền hụi cho bà M. Sau khi hốt hụi xong, bà M không đóng hụi chết cho bà C được lần nào, tính đến ngày mãn hụi dây hụi này còn lại 13 lần hụi chết. Tính đến ngày 18/02/2025 âm lịch, bà C đã bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà M 02 lần với số tiền là 10.000.000 đồng. Dây hụi này bà M còn nợ bà C số tiền hụi là 01 phần x 02 lần x 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng.

Tổng cộng, 04 dây hụi trên bà M còn nợ bà C số tiền hụi là 26.000.000 đồng + 39.000.000 đồng + 10.000.000 đồng = 75.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho bà C số tiền hụi còn nợ là 75.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Tại đơn yêu cầu v/v rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2025, bà C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi là 20.000.000 đồng, theo đó chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho bà C số tiền hụi còn nợ là 55.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi).

Bà C đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

* Bị đơn bà M: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M nhưng bà M không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà C vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình

Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà M trả cho bà C số tiền hui còn nợ là 79.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà bà C đã rút đối với số tiền hui là 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M số tiền hui còn nợ là 99.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi); Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ) thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hui là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà M có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện K, tỉnh S (nay là ấp A, xã B, thành phố CT); Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho bà C số tiền hui còn nợ là 99.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu v/v rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2025, bà C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hui là 20.000.000 đồng, theo đó chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho bà C số tiền hui còn nợ là 79.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà C đã rút này.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về số tiền nợ hui: Bà C cho rằng bà M có tham gia chơi hui do bà C làm chủ hui, cụ thể gồm 04 dây hui: ***Dây hui thứ nhất***, hui tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, mở ngày 10/8/2023 âm lịch, mãn ngày 10/4/2025 âm lịch, có 21 phần, bà M tham gia 01 phần và đã hót hui tại lần khai thứ 02 (vụ tháng 9/2013 âm lịch), bà M đóng hui chết cho bà C được 07 lần tại các lần khai từ thứ 03 đến thứ 09

(từ vụ tháng 10/2013 âm lịch đến vụ tháng 4/2024 âm lịch) nhưng sau đó thì không đóng nữa nên bà C phải có trách nhiệm đóng thay tiền hội chết cho bà M tại các lần khai từ thứ 10 đến thứ 19 (từ vụ tháng 5/2024 âm lịch đến vụ tháng 02/2025 âm lịch) với số tiền là 2.000.000 đồng x 10 lần = 20.000.000 đồng, đối với các lần khai từ thứ 20 đến thứ 21 (từ vụ tháng 3/2025 âm lịch đến vụ tháng 4/2025 âm lịch - mãn hội) bà C chưa có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. **Dây hội thứ hai**, hội tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, mở ngày 10/8/2023 âm lịch, mãn ngày 10/4/2025 âm lịch, có 21 phần, bà M tham gia 01 phần và đã hốt hội tại lần khai thứ 03 (vụ tháng 10/2013 âm lịch), bà M đóng hội chết cho bà C được 06 lần tại các lần khai từ thứ 04 đến thứ 09 (từ vụ tháng 11/2013 âm lịch đến vụ tháng 4/2024 âm lịch) nhưng sau đó thì không đóng nữa nên bà C phải có trách nhiệm đóng thay tiền hội chết cho bà M tại các lần khai từ thứ 10 đến thứ 19 (từ vụ tháng 5/2024 âm lịch đến vụ tháng 02/2025 âm lịch) với số tiền là 2.000.000 đồng x 10 lần = 20.000.000 đồng, đối với các lần khai từ thứ 20 đến thứ 21 (từ vụ tháng 3/2025 âm lịch đến vụ tháng 4/2025 âm lịch - mãn hội) bà C chưa có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, tại 02 dây hội này bà M còn đóng tiền hội cho bà C thiếu số tiền là 2.000.000 đồng. **Dây hội thứ ba**, hội tháng 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, mở ngày 15/12/2023 âm lịch, mãn ngày 15/6/2025 âm lịch, có 19 phần, bà M tham gia 01 phần và đã hốt hội tại lần khai thứ 02 (vụ tháng 01/2024 âm lịch), bà M đóng hội chết cho bà C được 04 lần tại các lần khai từ thứ 03 đến thứ 06 (từ vụ tháng 02/2024 âm lịch đến vụ tháng 5/2024 âm lịch) nhưng sau đó thì không đóng nữa nên bà C phải có trách nhiệm đóng thay tiền hội chết cho bà M tại các lần khai từ thứ 07 đến thứ 15 (từ vụ tháng 6/2024 âm lịch đến vụ tháng 02/2025 âm lịch) với số tiền là 3.000.000 đồng x 09 lần = 27.000.000 đồng, đối với các lần khai từ thứ 16 đến thứ 19 (từ vụ tháng 3/2025 âm lịch đến vụ tháng 6/2025 âm lịch - mãn hội) bà C chưa có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. **Dây hội thứ tư**, hội mùa 5.000.000 đồng, 04 tháng khai 01 lần, mở ngày 16/3/2023 âm lịch, dự kiến mãn ngày 16/3/2028 âm lịch, có 16 phần, bà M tham gia 01 phần và đã hốt hội tại lần khai thứ 03 (vụ tháng 11/2023 âm lịch), sau đó bà M đóng hội chết cho bà C nên bà C phải có trách nhiệm đóng thay tiền hội chết cho bà M tại các lần khai từ thứ 04 đến thứ 05 (từ vụ tháng 3/2024 âm lịch đến vụ tháng 7/2024 âm lịch) với số tiền là 5.000.000 đồng x 02 lần = 10.000.000 đồng, đối với các lần khai từ thứ 06 đến thứ 16 (từ vụ tháng 11/2024 âm lịch đến vụ tháng 03/2028 âm lịch - mãn hội) bà C chưa có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Từ đó, bà C yêu cầu bà M trả cho bà C số tiền hội còn nợ của 04 dây hội nêu trên với tổng số tiền là 20.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 2.000.000 đồng + 27.000.000 đồng + 10.000.000 đồng = 79.000.000 đồng.

[6] Xét thấy, lời trình bày của bà C là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng sự xác nhận của bà P, bà K, bà D, bà L là các hội viên có tham gia chơi 04 dây hội nêu trên tại các Biên bản xác minh, lấy lời khai về việc bà M có tham gia chơi hội và đã hốt hội đối với 04 dây hội nêu trên (BL 65-73); các hội viên này không có mâu thuẫn, xích mích với bà M nên lời xác nhận của họ là trung thực, đảm bảo tính khách quan để làm chứng cứ trong vụ án này, là căn cứ xác định lời trình bày của bà C là đúng sự thật. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M nhưng bà M không có văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng không có mặt

tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án, nên được coi là bà M đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà C.

[7] Từ đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định việc sau khi hốt hui xong thì bà M không đóng hui chết cho bà C từ các lần khai từ khoảng các tháng 3, 4, 5/2025 âm lịch cho đến nay của 04 dây hui nêu trên, với tổng số tiền là 79.000.000 đồng là có thật. Theo quy định của pháp luật, sau khi đã hốt hui thì tại mỗi lần (kỳ) khai hui thì hui viên phải có nghĩa vụ đóng tiền hui chết cho chủ hui cho đến khi mãn hui để chủ hui giao tiền hui chết này cho các hui viên được hốt tại lần (kỳ) khai hui đó, nên việc bà M không đóng hui chết cho bà C là vi phạm thỏa thuận về góp hui đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ của hui viên và xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của chủ hui cùng các hui viên khác. Vì vậy, việc bà C yêu cầu bà M trả cho bà C số tiền hui còn nợ là 79.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền hui còn nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi. Đồng thời, đối với các lần khai chưa tới hạn của 04 dây hui nêu trên mà bà C chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này, sau này khi hui tới hạn và giữa các bên có tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C, giải quyết buộc bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền hui còn nợ là 79.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà bà C đã rút đối với số tiền hui là 20.000.000 đồng.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà C không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bà M phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng trên số tiền bị Tòa án buộc trả là $79.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.950.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu bà M trả số tiền hụi còn nợ.

Buộc bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền hụi còn nợ là 79.000.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà C đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu bà M trả số tiền hụi là 20.000.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà C không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà C đã nộp là 2.475.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001278, ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ).

- Bà M phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 3.950.000 đồng (*Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND KV10-CT (01);
- Phòng THADS KV10-CT(01);
- TAND thành phố Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt